

Biểu mẫu 05**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THƯỢNG HIỀN****THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tuyển sinh đúng theo qui định của Phòng GD&ĐT Gò Vấp	Tuyển sinh đúng theo qui định của Phòng GD&ĐT Gò Vấp	Tuyển sinh đúng theo qui định của Phòng GD&ĐT Gò Vấp	Tuyển sinh đúng theo qui định của Phòng GD&ĐT Gò Vấp	Tuyển sinh đúng theo qui định của Phòng GD&ĐT Gò Vấp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT 2018 của BGD&ĐT 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 của BGD&ĐT 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 của BGD&ĐT 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 của BGD&ĐT 35 tuần	Chương trình của BGD&ĐT 35 tuần
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Nghiêm túc, nhẹ nhàng	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Nghiêm túc, nhẹ nhàng	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Nghiêm túc, nhẹ nhàng	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Nghiêm túc, nhẹ nhàng	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Nghiêm túc, nhẹ nhàng
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Sinh hoạt ngoại khóa	Sinh hoạt ngoại khóa	Sinh hoạt ngoại khóa	Sinh hoạt ngoại khóa	Sinh hoạt ngoại khóa
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả lên lớp thẳng đạt trên 99%. 100% thực hiện đầy đủ. Sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm	Kết quả lên lớp thẳng đạt trên 99%. 100% thực hiện đầy đủ. Sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm	Kết quả lên lớp thẳng đạt trên 99%. 100% thực hiện đầy đủ. Sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm	Kết quả lên lớp thẳng đạt trên 99%. 100% thực hiện đầy đủ. Sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm	Kết quả lên lớp thẳng đạt trên 99%. 100% thực hiện đầy đủ. Sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% lên lớp 2	100% lên lớp 3	100% lên lớp 4	100% lên lớp 5	100% HTCTTH

Gò Vấp, ngày 02 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Mỹ Thủy

Biểu mẫu 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THƯỢNG HIỀN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng SC	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2153	380	437	400	420	516
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2031	380	437	400	393	486
111	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2048 95,1%	351 92,4%	404 92,4%	381 95,3%	404 96,2%	508 98,4%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	105 4,9%	29 7,6%	33 7,6%	19 4,7%	16 3,8%	8 1,6%
3	Can co gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2151 99,9%	378 99,5%	437 100%	400 100%	420 100%	516 100%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,1%	2 0,5%				
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2151 99,9%	378 99,5%	437 100%	400 100%	420 100%	516 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1427 66,28%	307 80,79%	336 76,89%	220 55,0%	235 55,95%	329 63,76%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,1%	2 0,5%				

Gò Vấp, ngày 02 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Mỹ Thủy

Biểu mẫu 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THƯỢNG HIỀN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	51/51	1,08m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	51	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5901 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3942 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2821 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2255 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	96 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	10	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	10	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	11	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	10	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	10	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150 bộ	0,07 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	36	0,7/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cắt xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	20	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	1(110 m ²)
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		16		0,15 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41 /2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Gò Vấp, ngày 02 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Mỹ Thủy

Biểu mẫu 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THƯỢNG HIỀN**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	118		2	71	6	8	31	6	5	66	71	6	
I	Giáo viên	74		2	67	4	1		6	5	63	68	6	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:													
1	Tiếng dân tộc													
2	Ngoại ngữ	11			8	3		3	2	6	7	4		
3	Tin học	2			2			1		1	I	1		
4	Âm nhạc	1			1					I	1			
5	Mỹ thuật	2			1		1	1		1		2		
6	Thể dục	3		1	2			1		2	1	2		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2	2			
III	Nhân viên	42			2	2	7	31						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1				1								
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1							
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													

Gò Vấp, ngày 02 tháng 6 năm 2023


HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Mỹ Thủy

